

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M'ĐRẮK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST  
Ngày 09 tháng 9 năm 2020  
“V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Thế Dương;

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Ngô Trọng Búp; ông Y Đo Niê.

**- *Thư ký phiên tòa:*** ông Vũ Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk*** tham gia phiên tòa: ông Y Gon Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 24/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Đặng Xuân D sinh năm 1956. Địa chỉ: thôn 1B, xã C, huyện E, tỉnh Đ. Ông D có mặt tại phiên tòa.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D:* bà Trần Thị Phương Lan Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Bà Lan có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* bà Vũ Thị N sinh năm 1954. Địa chỉ: thôn 2, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Bà N có mặt tại phiên tòa.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N:* ông Hoàng Văn Cầu – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Ông Cầu có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* bà Nguyễn Thị H sinh năm 1962. Địa chỉ: thôn 9, xã C1, huyện M, tỉnh Đ. Bà H có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Xuân D trình bày:***

Ngày 11/10/2019, bà Vũ Thị N vay của ông D 15.000.000 đồng để đảo nợ ngân hàng, thời hạn vay 03 ngày. Hết thời hạn vay, ông D đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà N không trả nợ cho ông D. Nay ông D yêu cầu Tòa án buộc bà Vũ Thị N phải trả cho ông D 15.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi từ ngày bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, theo quy định của pháp luật. Theo đơn khởi kiện, ông D yêu cầu bà N trả tiền lãi 750.000 đồng chỉ là ông D tạm tính.

Trước khi cho bà N vay tiền, ông D có nhờ bà N môi giới, thương lượng giúp việc nhận chuyển nhượng đất đai của bà H. Ông D có hứa hẹn (thỏa thuận miệng), nếu bà N thương lượng thành công, ông D sẽ trả cho bà N 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà N không thực hiện được công việc như ông D yêu cầu, ông D đã trả cho bà N 5.000.000 đồng. Giữa ông D và bà N không thỏa thuận về việc trả công nếu bà N không thực hiện được công việc. Do đó, ông D không chấp nhận việc bà N yêu cầu ông D phải trả tiền công khi không hoàn thành công việc như ông D yêu cầu.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông D trình bày:* Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận, nếu bị đơn môi giới thành công việc bà H chuyển nhượng đất cho nguyên đơn, thì nguyên đơn sẽ thưởng cho bị đơn 50.000.000 đồng. Nhưng việc chuyển nhượng đất giữa bà H và nguyên đơn không thành, nên nguyên đơn không có nghĩa vụ trả tiền cho bị đơn như đã thỏa thuận. Các bên không có thỏa thuận, nếu việc chuyển nhượng đất giữa bà H và nguyên đơn không thành, thì nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn tiền công sức thực tế mà bị đơn đã thực hiện một số công việc cho nguyên đơn. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho ông D 15.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi từ ngày bà N vi phạm nghĩa vụ từ ngày 14/10/2019 đến ngày xét xử, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (BLDS).

***\* Theo bản tự khai, biên bản đối chất, hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Vũ Thị N trình bày:***

Bà N thừa nhận ngày 11/10/2019, bà N vay của ông Đặng Xuân D 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 ngày. Đến nay, bà N chưa trả nợ cho ông D. Tuy nhiên, bà N không đồng ý trả nợ theo đơn khởi kiện của ông D. Bởi vì, trước khi bà N vay tiền của ông D, khoảng tháng 8 năm 2019 ông D thỏa thuận miệng, hứa thưởng cho bà N 50.000.000 đồng nếu bà N hoàn thành việc môi giới giúp ông

D nhận chuyển nhượng đất của bà H. Nhưng nay, giấy tờ do ông D cung cấp cho bà N không đúng, nên không thể thực hiện được việc chuyển nhượng đất.

Bà N đã phải bỏ thời gian, công sức để tìm gặp thỏa thuận với bà H, nhưng ông D không chịu trả tiền công cho bà Lưu. Ông D không đưa cho bà N 5.000.000đồng như ông D trình bày. Nên bà N phải viết giấy vay tiền ông D, thì ông D mới đưa tiền cho bà Ngà. Do đó, bà N yêu cầu ông D phải trả cho bà N 19.500.000đồng tiền công bà N đi làm cho ông D trong thời gian 03 tháng 15 ngày (200.000đồng/ngày). Khấu trừ vào số tiền bà N vay ông D vào ngày 11/10/2019, bà N yêu cầu ông D phải trả thêm cho bà N 4.500.000 đồng.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N trình bày:* mặc dù bà N chưa thực hiện xong công việc môi giới việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông D, là lỗi của ông D. Thực tế, bà N đã phải bỏ công sức, thời gian, làm cầu nối cho ông D gặp gỡ bà H để thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do bà N đã yêu cầu ông D trả tiền công sức cho bà N, nhưng ông D không trả, nên bà N đã phải viết giấy vay tiền của ông D, nhằm mục đích khấu trừ tiền công mà bà N đã thực hiện công việc cho ông D. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 513, Điều 514, Điều 515 BLDS xem xét yêu cầu của bà N là có căn cứ, buộc ông D phải trả cho bà N một số tiền để đối trừ nghĩa vụ trả nợ cho ông D.

*\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn ông D, buộc bị đơn bà N phải có nghĩa vụ trả cho ông D 15.000.000đồng tiền vay gốc và tiền lãi từ ngày bà N vi phạm nghĩa vụ từ ngày 14/10/2019 đến ngày xét xử, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn có nơi cư trú tại xã E, huyện M, tỉnh Đ. Theo khoản 3 Điều 26, theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông D yêu cầu bị đơn bà N phải trả 15.000.000đồng tiền vay gốc và 750.000đồng tiền lãi, tại phiên tòa nguyên đơn ông D yêu cầu bị đơn bà N phải trả cho ông D 15.000.000đồng tiền vay gốc và tiền lãi từ ngày bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu của nguyên đơn vẫn nằm trong phạm vi khởi kiện.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận ngày 11/10/2019, bị đơn vay của nguyên đơn 15.000.000đồng, hai bên viết giấy vay tiền với nội dung trong thời hạn 03 ngày (ngày 13/10/2019) bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn. Bị đơn bà N thừa nhận chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Đây là sự kiện bị đơn thừa nhận, không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

Các đương sự đều thừa nhận, trước ngày bị đơn viết giấy vay tiền của nguyên đơn, giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng hứa thưởng (bằng lời nói) về việc nguyên đơn nhờ bị đơn môi giới, thương lượng giúp việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà H. Nguyên đơn hứa nếu bị đơn thương lượng giúp nguyên đơn giao dịch thành công việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà H thì ông D sẽ trả cho bà N 50.000.000đồng. Các bên không thỏa thuận về việc nguyên đơn trả công cho bị đơn nếu không thực hiện được công việc.

Nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định việc nhận chuyển nhượng đất theo yêu cầu của nguyên đơn là không thực hiện được. Nên, nguyên đơn không có nghĩa vụ trả thù lao cho bị đơn. Bị đơn bà N không đưa ra được chứng cứ để chứng minh ông D có nghĩa vụ trả tiền công cho bà N 200.000đồng/ngày, cũng không chứng minh được nội dung công việc đã làm trong thời gian 3 tháng 15 ngày. Do đó, yêu cầu của bà N không được chấp nhận. Mặt khác, bà N trình bày nội dung trên nhưng không có đơn phản tố và không được thụ lý theo quy định của pháp luật nên không nằm trong phạm vi giải quyết vụ án. Do vậy, yêu cầu của bà N, HĐXX không xem xét, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Theo giấy vay tiền ngày 11/10/2019, bà N ghi thời hạn trả nợ là 03 ngày, nhưng không thể hiện tiền lãi suất. Đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn, không có lãi. Căn cứ khoản 4 Điều 466 BLDS, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS là 10%/năm, kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ (14/10/2019) đến ngày xét xử (ngày 09/9/2020) là:  $15.000.000\text{đồng} \times (331\text{ ngày} : 365) \times 10\% = 1.360.000\text{đồng}$ . Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn

16.360.000đồng, bao gồm 15.000.000đồng tiền gốc và 1.360.000đồng tiền lãi (tính đến ngày 09/9/2020).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn ông D được chấp nhận, bị đơn bà N phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là 818.000đồng (16.360.000 đồng x 5%). Tuy nhiên, bà N là người có công với cách mạng và là người cao tuổi, bà N có đơn yêu cầu miễn án phí, nên bà N được miễn toàn bộ tiền án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 85; Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Xuân D:**

Buộc bà Vũ Thị N phải trả cho ông Đặng Xuân D 16.360.000đồng (Mười sáu triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng), bao gồm 15.000.000đồng tiền gốc theo giấy vay tiền ngày 11/10/2019 và 1.360.000đồng tiền lãi.

Kể từ ngày 10/9/2020 đến khi trả xong nợ cho ông D, bà Vũ Thị N còn phải chịu tiền lãi của số nợ chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

#### **2. Về án phí:**

- Bị đơn bà Vũ Thị N được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 818.000đồng.

- Trả lại ông Đặng Xuân D 394.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0003445 ngày 21/7/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện M'Đrăk.

#### **3. Báo quyền kháng cáo:**

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrăk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thế Dương**